

Số: 159/TM-DUỘC TTB-VTYT

Hàm Thuận Bắc, ngày 11 tháng 4 năm 2025

THƯ MỜI THẦU
Cung cấp hồ sơ đề xuất, Gói thầu: Mua sắm
Thuốc Generic năm 2025.

Kính gửi: - Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hoà
- Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm
- Công Ty cổ phần Dược Phẩm thiết bị y tế Phúc An
- Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Dược phẩm AT và C
- Công ty TNHH Dược phẩm Đức Việt
- Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
- Công ty TNHH Dược phẩm Song Việt
- Công ty TNHH Dược phẩm Trường Khang

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-TTYT ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm. Gói thầu: mua sắm Thuốc Generic năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 86 /QĐ-TTYT ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, gói thầu: Mua sắm Thuốc Generic năm 2025.

Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc có nhu cầu mua sắm 24 mặt hàng thuốc thuộc Gói thầu: **Mua sắm** Thuốc Generic năm 2025. Nếu Quý các Công ty có nhu cầu và khả năng cung cấp một trong các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu nêu trên cho Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc, đề nghị gửi Hồ sơ đề xuất(HSĐX) để chúng tôi xem xét, đánh giá làm cơ sở ký kết hợp đồng cung cấp thuốc(Đính kèm Hồ sơ yêu cầu).

Hồ sơ gửi về Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc, địa chỉ: Km 17 đường 8/4, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời điểm hết hạn nhận Hồ sơ đề xuất 17 giờ 00 phút ngày 17 / 04 /2025, Bên mời thầu sẽ đánh giá ngay sau khi nhận được Hồ sơ đề xuất của các nhà thầu.

Trường hợp đến thời điểm hết hạn nhận Hồ sơ đề xuất, chúng tôi không nhận được Hồ sơ đề xuất của Quý Công ty thì xem như Quý Công ty không có nhu cầu cung cấp và chúng tôi sẽ tổ chức đấu thầu theo quy định của Luật đấu thầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư(báo cáo);
- Lưu Vt, TCG. 



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM THUỐC

(Áp dụng Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày
31/12/2024 của Bộ kế hoạch và đầu tư)

Tên gói thầu: Mua sắm Thuốc Generic năm 2025

Số KHLCNT PL2500072706

Thư mời thầu số: 159/ TM- ĐƯỢC TTB- VTYT, ngày
11/04/2025

Dự toán mua sắm: Mua sắm Thuốc Generic năm 2025

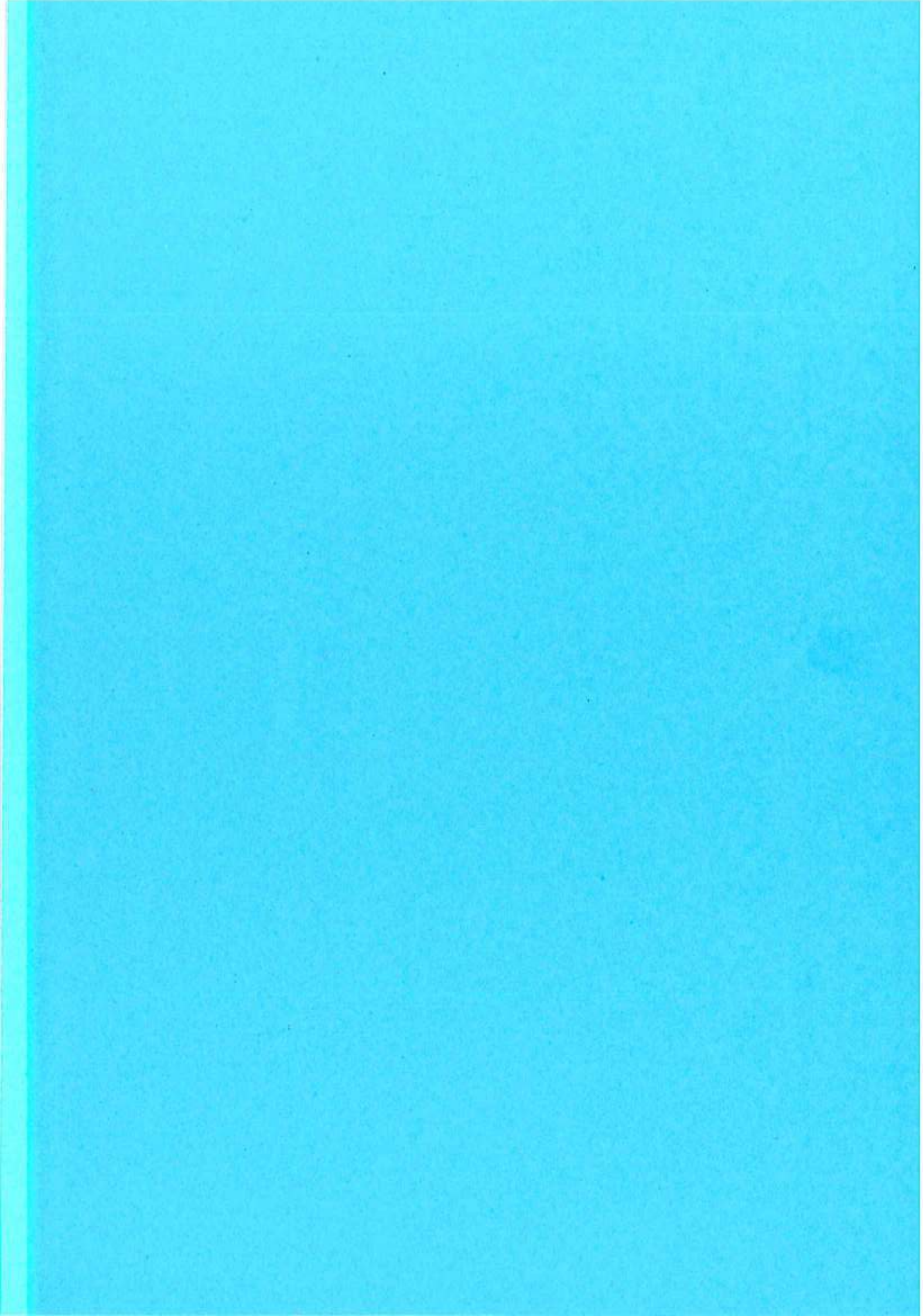
Phát hành ngày: 11/04/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 86 /QĐ-TTYT ngày 11/04/2025 của Trung
tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc



Chủ đầu tư

Trần Giao Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM THUỐC

(Áp dụng Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ kế hoạch và đầu tư)

Tên gói thầu: Mua sắm Thuốc Generic năm 2025

Số KHLCNT PL2500072706

Thư mời thầu số: 159/ TM- DƯỢC TTB- VTYT, ngày 11/04/2025

Dự toán mua sắm: Mua sắm Thuốc Generic năm 2025

Phát hành ngày: 11/04/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 86 /QĐ-TTYT ngày 11/04/2025 của Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc

Chủ đầu tư

Trần Giao Hùng

Phần 1. THỦ TỤC MUA SẮM TRỰC TIẾP

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu thuốc generic năm 2025.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 09 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

4. Hồ sơ yêu cầu này được phát hành cho Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó để thực hiện phần công việc của gói thầu mua sắm thuốc được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về kỹ thuật.

5. Thông tin gói thầu trước đó: Bảng dữ liệu tại PHỤ LỤC I

6. Các phần của gói thầu: Gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập, mỗi phần tương ứng với tên nhà thầu được lựa chọn theo nội dung Bảng dữ liệu tại PHỤ LỤC I.

7. Phương án thay thế: Không áp dụng.

Nhà thầu chào giá vào các hạng mục trong phần công việc không được giao thực hiện sẽ không được xem xét, đánh giá.

8. Danh sách các nhà thầu được lựa chọn: Bảng dữ liệu tại PHỤ LỤC I.

9. Thuật ngữ “Gói thầu trước đó”, “Gói thầu đã trúng thầu trước đó”: Là gói thầu đấu thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi mà nhà thầu đã trúng thầu để làm căn cứ thực hiện HSYC này.

PHỤ LỤC I

BẢNG DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU ĐƯỢC MỜI THAM DỰ GỎI THẦU VÀ THÔNG TIN GỎI THẦU TRƯỚC ĐÓ

Stt	Mã phần lô thuốc được giao cung cấp	Thành phần	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dùng dùng	Quy cách	Nhóm	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá từng thầu	Tên công ty trúng thầu	Số Quyết định trúng thầu của gói thầu trước đó	Số Hợp đồng, ngày Hợp đồng có hiệu lực	Cơ quan ban hành Quyết định trúng thầu
1	PP23005166 17	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	5mg	Viên nén	Lống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	VD-20761-14 (QĐ số 447/QĐ-QLD ngày 02/08/2022, gia hạn đến ngày 02/08/2027)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	99	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hoà	Số 794/QĐ-SYT ngày 29/08/2024	Số 420/HD-2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
2	PP23005166 16	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	5mg	Viên nén	Lống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3	VD-20761-14 (QĐ số 447/QĐ-QLD ngày 02/08/2022, gia hạn đến ngày 02/08/2027)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	99	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hoà	Số 794/QĐ-SYT ngày 29/08/2024	Số 420/HD-2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
3	PP23005168 26	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bissulfat)	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4	893110288623 (VD-27922-17)(QĐ số 737/QĐ-QLD ngày 09/10/2023, gia hạn đến 09/10/2028)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	266	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hoà	Số 794/QĐ-SYT ngày 29/08/2024	Số 420/HD-2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương

4	PP23005168 37	Colechicim	1mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	4	VD-22172-15 (QB số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2022, giã hạn đến ngày 31/12/2024)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	265	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 420/HD- 2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
5	PP23005173 96	Piracetam	800mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	3	VD-34693-20	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	426	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 420/HD- 2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
6	PP23005165 50	N-acetyl-L- leucin	500mg	Viên nén	Uống	Hộp 50 vi x10 viên	4	VD-22909-15(QĐ số 447/QĐ-QLD ngày 02/08 /2022, giả hạn đến ngày : 02/ 08/2027)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	355	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 420/HD- 2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương

7	PP23005168 44	Chlorphenir amine malicat	4mg	Viên nén	Uống	Chia 1 100 0 viên	4	VD-34186-20	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Viết Nam	Viên	28	Công Ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 420/HD- 2024 ngày 13/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
8	PP23005165 46	N-Acetyl- DL-Leucina	1000mg/10 ml	Dun g dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 vi x 5 ống x 10m l	4	VD-27160-17 (QĐ gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023 hiệu lực đến 31/12/2024)	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Viết Nam	Ống	24,000	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 794/SYT- BVT- VP/2024 ngày 12/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
9	PP23005173 39	Omepirazol (Dưới dạng Omepirazol natri)	40mg	Thuổ c bột đồng khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	4	893110374823 (VD-25326- 16) (QĐ gia hạn số 776/QĐ-QLD ngày 19/10/2023 hiệu lực 5 năm)	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Viết Nam	Lọ	5,800	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 794/SYT- BVT- VP/2024 ngày 12/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương
10	PP23005172 06	Meclizopra mid HCl	10mg/2ml	Dun g dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống 2ml	4	VD-21919-14 (QĐ gia hạn số 833/QĐ- QLD ngày 21/12/2022 hiệu lực 5 năm)	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Viết Nam	Ống	990	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 794/SYT- BVT- VP/2024 ngày 12/9/2024	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương

11	PP23005168 54	Dexamethasone phosphat (đưới dạng Dexamethas on natri phosphat)	4mg/1ml	Dun g dịch tiêm	Tiền	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	4	VD-27152-17 (QĐ gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023 hiệu lực 31/12/2024)	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Ông	710	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số 794/SYT- BVT. VP/2024 ngày 12/9/2024	Số Y Tế tỉnh Bình Dương
12	PP23005174 70	Saccharomy ces boulardii	100mg (2,26 x 10 ⁹ CFU)	Thuố c bột	Uống	Hộp 30 gói x 1,0 g	4	QLSP-947-16 (QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2022, già hạn đến ngày: 31/12/2024)	Công ty TNHH liên doanh Hasan- Dermaph arm	Việt Nam	Gói	3,906	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Việt	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số: 114/2024/HĐ -ĐV ngày 13/9/2024	Số Y Tế tỉnh Bình Dương
13	PP23005171 73	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(800,4mg + 3.058,83mg + 80mg)/10m l	hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 10ml 1	4	VD-36243-22	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermaph arm	Việt Nam	Gói	3,402	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Việt	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số: 114/2024/HĐ -ĐV ngày 13/9/2024	Số Y Tế tỉnh Bình Dương
14	PP23005173 07	Nitcedipin	20mg	viên nén bao phim tác đương kéo dài	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	3	VD-32593-19	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermaph arm	Việt Nam	viên	504	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Số 794/QĐ- SYT ngày 29/08/20 24	Số: 672/2024/HĐ -VD ngày 12/9/2024	Số Y Tế tỉnh Bình Dương

15	PP23006299 52	Salbutamol Sulfat	4mg/10ml= 2mg/5ml; 10ml = 0,4mg/ml; 10ml	Dum g dịch uống	Uống	Hộp 30 ống x 10ml 1	4	893115277823 (VD-25647- 16)	Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Ông	5.187	Công ty TNHH Dược phẩm AT và C	Số 1630/QĐ -SYT ngày 27/6/202 4	Số: 128/2024- HĐATC, ngày 9/07/2024	Sở Y Tế tỉnh Kiên Giang
16	PP23006291 88	Glibenclami đ + Metformin hydroclorid	2,5mg + 500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vĩ, 8 vĩ x 15 viên	4	VD-32391-19	Công ty TNHH Hasan- Dermaph arm	Việt Nam	Viên	1.700	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Số 1630/QĐ -SYT ngày 27/6/202 4	Số: 536/2024/HĐ -VD ngày 09/07/2024	Sở Y Tế tỉnh Kiên Giang
17	PP23006291 96	Glimepirid + Metformin hydroclorid	2mg + 500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vĩ, 10 vĩ x 10 viên	3	VD-33885-19	Công ty TNHH Hasan- Dermaph arm	Việt Nam	Viên	2.499	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Số 1630/QĐ -SYT ngày 27/6/202 4	Số: 536/2024/HĐ -VD ngày 09/07/2024	Sở Y Tế tỉnh Kiên Giang
18	PP24000161 05	Paracetamol	1g/10ml	Dum g dịch dạng dặc pha tiêm truyền n	Tiền truyền	Hộp 10 vĩ x 5 ống x 10ml 1	4	VD-36170-22	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Ông	9.100	Công ty cổ phần Dược Phẩm Vinh Phúc	Số 1730/QĐ -SYT ngày 01/10/20 24	Số 1750/HĐKT/ VTC-DKT ngày 08/10/2024	Sở Y Tế tỉnh Quảng Ngãi
19	PP24004365 82	Cefactor	125mg	Thuốc c cốm	Uống	Hộp 12 gói x 1,5g	2	VD-18963-13	Chỉ nhánh 3- Công ty Cổ phần Dược phẩm Incepxha rm tại Bình Dương	Việt Nam	Goi	3.696	Công ty cổ phần Dược phẩm Incepxh arm	Số 139/QĐ- SYT ngày 27/02/20 25	Số : 77T- 01/2025/HĐ- BVND ngày 06/03/2025	Sở Y Tế tỉnh Đồng Nai

20	PP24001557 84	Lidocain +epinephrin (adrenalin)	(36mg + 18mcg)/1,8 ml	Dun g dịch tiêm dùng trong nhà khoa	Tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống/ 1,8 ml	1	VN-16049-12	Sepeodo m	Pháp	Ông	15,484	Công Ty cổ phần Dược Phẩm thiết bị y tế Phúc An	Số 4113/QĐ -BV ngày 11/09/20 24	Số: G1- 06/4113- HD/L2-GE- BVQY 175/2024 ngày 17/09/2024	Bệnh viện Quần Y 175
21	PP24001238 90	Simethicon	40mg/ml; 15ml	Hỗn dịch tiêm uống	Uống	Hộp 1 chai 15ml 1	4	VD-33279-19	Công ty cổ phần Dược Apined	Việt Nam	Chai	21,000	Công ty TNHH Dược phẩm Sông Việt	Số 2007/QĐ -BVND2 ngày 9/10/202 4	Số 6124.HD/BV ND2-SV + ngày 10/10/2024	Bệnh viện Nhì Đồng 2
22	PP2400123 810	Môi 500ml dung dịch chứa: Natri Clorid 4500mg	0,9% 500ml	Dun g dịch tiêm truyền tĩnh mạch h	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai i 500 ml, Thủ ng 20 chai	4	VD-35956-22	Công ty Cổ phần IVC	Việt Nam	Chai	5,940	Công ty TNHH Dược phẩm Trương Khang	Số 2007/QĐ -BVND2 ngày 9/10/202 4	Số: 22/2024/HĐ/ TP, ngày 10/10/2024	Bệnh viện Nhì Đồng 2
23	PP2400123 808	Môi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 9000mg	0,9%, 100ml	Dun g dịch tiêm truyền tĩnh mạch h	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100 ml; Hố p 1 chai i 100 ml	4	8931106153 24 (VD-32457- 19)	Công ty TNHH Dược Phẩm Allome d	Việt Nam	Túi	5,400	Công ty TNHH Dược phẩm Trương Khang	Số 2007/QĐ -BVND2 ngày 9/10/202 4	Số: 22/2024/HĐ/ TP, ngày 10/10/2024	Bệnh viện Nhì Đồng 2

24	PP24004732 68	Insulin human(reco mbinant)	300IU/3ml	Dun g dịch tiêm	Tiêm/ truyền	Hộp 01 bút tiêm dùng sẵn 03m l	5	VN-13913-11; CV gia hạn Số 62/QĐ-QLD	Wockhar dt Limited	Ân Dộ	Bút tiêm	105.500	Công ty có phân xuat nhập khẩu y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Số 128/QĐ- BVT/2 ngày 14/01/20 25	Số: 03/TV/MĐ- YTECO/2025 ngày 20/01/2025	Bệnh viện đa khoa Thanh vũ Mécic Bạc Liên
----	------------------	-----------------------------------	-----------	--------------------------	-----------------	---	---	--	--------------------------	----------	-------------	---------	--	--	--	---

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và Tính hợp lệ của Thuốc

3.1 Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

3.1.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3.1.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3.1.3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến lựa chọn nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3.1.4. Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác.

3.2 Tính hợp lệ của thuốc:

3.2.1. Thuốc dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể:

a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam. Trường hợp thuốc có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện theo Mục 3.3.

b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Dược;

c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp).

3.2.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp theo quy định tại HSYC.

3.3. Việc phân chia nhóm thuốc thực hiện theo quy định như sau:

3.3.1. Gói thầu thuốc generic

Gói thầu thuốc generic có thể có một hoặc nhiều thuốc, generic, mỗi danh mục thuốc generic phải được phân chia thành các nhóm, mỗi thuốc generic trong một nhóm là một phần của gói thầu. Gói thầu thuốc generic được phân chia thành 05 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau:

3.3.1.1. Nhóm 1 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU- GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU- GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư này;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư này.

3.3.1.2. Nhóm 2 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU- GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU- GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s- GMP.

3.3.1.3. *Nhóm 3* bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

3.3.1.4. *Nhóm 4* bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

3.3.1.5. *Nhóm 5* bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

3.3.2. Gói thầu thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền

Gói thầu thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền (không áp dụng đối với vị thuốc cổ truyền) có thể có một hoặc nhiều thuốc, mỗi danh mục thuốc phải được phân chia thành các nhóm, mỗi thuốc trong một nhóm là một phần của gói thầu. Gói thầu thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền được phân chia thành 04 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau:

3.3.2.1. *Nhóm 1* bao gồm thuốc được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và trong thành phần công thức thuốc có toàn bộ dược liệu được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GACP.

3.3.2.2. *Nhóm 2* bao gồm thuốc được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và trong thành phần công thức thuốc có từ 50% số lượng thành phần dược liệu trở lên được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GACP.

3.3.2.3. *Nhóm 3* bao gồm thuốc được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

3.3.2.4. *Nhóm 4* bao gồm thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

3.3.3. Gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa

Gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa có thể có một hoặc nhiều vị thuốc cổ truyền, mỗi danh mục vị thuốc cổ truyền phải được phân chia thành các nhóm, mỗi vị thuốc trong một nhóm là một phần của gói thầu. Gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm bột, dịch chiết, tinh

dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa được phân chia thành 03 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau:

3.3.3.1. *Nhóm 1* bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và được sản xuất từ dược liệu được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GACP.

3.3.3.2. *Nhóm 2* bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

3.3.3.3. *Nhóm 3* bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa không đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nhưng đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

3.3.4. Gói thầu bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa

Gói thầu bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa có thể có một hoặc nhiều bán thành phẩm dược liệu, mỗi danh mục bán thành phẩm dược liệu phải được phân chia thành các nhóm, mỗi bán thành phẩm dược liệu trong một nhóm là một phần của gói thầu. Gói thầu bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch được phân chia thành 03 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau:

3.3.4.1. *Nhóm 1* bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP cho nguyên liệu làm thuốc từ dược liệu và được sản xuất từ dược liệu được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GACP.

3.3.4.2. *Nhóm 2* bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP cho nguyên liệu làm thuốc từ dược liệu.

3.3.4.3. *Nhóm 3* bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa không đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nhưng đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

3.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu theo quy

định tại Mục 3.2.1

Nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc; về tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc.

Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của thuốc dự thầu:

Nhà thầu liệt kê thông tin tên mặt hàng thuốc tham dự thầu, cơ sở tham gia sản xuất; số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý Dược cấp và các thông tin khác có liên quan: Nhà thầu ghi đầy đủ các thông tin theo quy định tại Mẫu số Mẫu số 4.1 – Bảng giá dự thầu.

Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>);

Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong Hồ sơ yêu cầu (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong Hồ sơ yêu cầu (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Trong quá trình đánh giá Hồ sơ yêu cầu nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan

đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 4.1 Chương III;
6. Các nội dung khác theo quy định tại Hồ sơ yêu cầu.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
2. Nhà thầu chào giá: theo Mẫu số 4.1 Chương III;
3. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc

1. Để chứng minh sự phù hợp của thuốc so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX để chứng minh rằng thuốc mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Phần 2, chương IV- Yêu cầu kỹ thuật của thuốc.
2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật thuốc, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của thuốc so với các yêu cầu của HSYC.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 30 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một bản chụp HSDX, ghi rõ "bản

gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: 17 giờ, ngày 17 tháng 04 năm 2025.

2. Mở thầu:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
 - Giá trị giảm giá (nếu có);
 - Thời gian có hiệu lực của HSDX;
 - Thời gian thực hiện gói thầu;
 - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 10B Chương III. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 0% tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trường hợp Chủ đầu tư gửi HSYC cho một nhà thầu, trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.

Trường hợp Chủ đầu tư gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu và áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời thầu mời nhà thầu xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị mua sắm trực tiếp

Nhà thầu được đề nghị mua sắm trực tiếp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu;
4. Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu;
5. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)) không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Dự toán gói thầu được duyệt;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng.

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu.

d) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu

theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được mua sắm trực tiếp phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 Luật Đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Km 17 đường 8/4, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận;

Điện thoại: 0252.3611002.

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Không.

Mục 19. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo địa chỉ sau: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc. Địa chỉ: Km 17 đường 8/4, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Điện thoại: 0252.3611002.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 4.1 hoặc Mẫu số 4.2 Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Mẫu số 08
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của năm 2023 ⁽⁶⁾ hoặc năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự	của nhà thầu có giá trị tối thiểu chi tiết theo phụ lục II đính kèm trong hồ sơ yêu cầu⁽⁷⁾VND. Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Cung cấp các loại Thuốc Generic⁽¹⁰⁾; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: chi tiết theo phụ lục II đính kèm trong hồ sơ yêu cầu⁽¹¹⁾.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 07A

PHỤ LỤC II**Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm**

ST T	Tên nhà thầu	Giá gói thầu dự kiến	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của năm 2023 của nhà thầu có giá trị tối thiểu	Giá trị của hợp đồng đã hoàn thành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu có giá trị tối thiểu.
1	Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm	73,920,000	110.880.000	51.744.000
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hoà	271.680.000	407.520.000	190.176.000
3	Công Ty cổ phần Dược Phẩm thiết bị y tế Phúc An	71,226,400	106.839.600	49.858.480
4	Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Vĩnh Phúc	129,419.000	194.128.500	90.593.300
5	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Thành phố Hồ Chí Minh	63,300,000	94.950.000	44.310.000
6	Công ty TNHH Dược phẩm AT và C	155,610,000	233.415.000	108.927.000
7	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Việt	399.420.000	599.130.000	279.594.000
8	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	689.960.000	1.034.940.000	482.972.000
9	Công ty TNHH Dược phẩm Song Việt	63,000,000	94.500.000	44.100.000
10	Công ty TNHH Dược phẩm Trường Khang	62.640.000	93.960.000	43.848.000

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp Đáp ứng tất cả yêu cầu theo biểu phạm vi cung cấp tại PHỤ LỤC III đính kèm của HSYC (Tên hàng hóa, đơn vị tính, quy cách, số lượng, GPLH/GPNK...)	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Nhà thầu cung cấp bản sao: - Thông báo trúng thầu hoặc quyết định lựa chọn nhà thầu của gói thầu trước đó - Hợp đồng trúng thầu đã ký kết.	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Đơn giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch.	≤ Đơn giá trong danh mục hàng hóa yêu cầu hoặc ≤ Đơn giá trong hợp đồng đã ký trước đó	> Đơn giá trong danh mục hàng hóa yêu cầu hoặc > Đơn giá trong hợp đồng đã ký trước đó
5	Cam kết hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng
6	Thời gian kể từ ngày ký hợp đồng tại khoản 3 này tính đến ngày 30/05/2025	≤ 12 tháng	>12 tháng

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: HSĐX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất¹.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _ [Ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc

bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Cung cấp hàng hóa bảo đảm quy cách kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước đó⁽³⁾;

10. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

(3). Theo điểm a, khoản 2, điều 80, Nghị định 24/2024/NĐ-CP

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được mua sắm trực tiếp.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp
luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật Đấu thầu];- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được mua sắm trực tiếp;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH***[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 4.1 hoặc Mẫu số 4.2 Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng với loại hợp đồng theo đơn giá)

I. Thuốc dự thầu

ST T	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên thành phần của thuốc (2)	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị đong	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (T uổi tho)	GBKL H hoặc GPNK (3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính (4)	Số lượng dự thầu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (15x1 6)	Phân loại ⁰¹	Mã phân nội
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
Tổng cộng giá dự thầu																		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

1. Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.
2. Gói thầu thuốc được liệt kê, thuốc cổ truyền thì ghi "Tên thành phần của thuốc".
3. Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ số giấy đăng ký lưu hành của thuốc hoặc số giấy phép nhập khẩu.
4. Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên, ống, lọ, tuýp, gói, chai...).
5. Phân loại: Đề nghị ghi rõ việc mặt hàng thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh như sau để phục vụ việc chấm điểm:

- a. Thuế do nhà thầu trực tiếp sản xuất và dự thầu: ghi ký hiệu là SX.
 b. Thuế do nhà thầu trực tiếp nhập khẩu và dự thầu: ghi ký hiệu là NK.
 c. Thuế do nhà thầu mua từ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh khác để dự thầu: ghi ký hiệu là KD và ghi rõ tên cơ sở nhập khẩu đối với thuế nhập khẩu.

II. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)= $I_1 + I_n$

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
3	Chi phí dự phòng (*)	$(C)=a\% \times ((M)+(I))$
Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)		$(G)=(M)+(I)+(C)$

III. Tổng hợp giá dự thầu

Ghi chú:

(*): a%: *Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.*

Dại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

Mẫu số 4.2

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hàng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10) x (12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
1																M_1
...																...
n																M_n
<i>Tổng</i>														M^*		$\langle M \rangle = M_1 + \dots + M_n$

Ghi chú:

- Chú đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
- (8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.
- Nhà thầu điền các cột sau:
- Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (14) (15) (16) (17). Trong đó, Thành tiền (M') tại cột (15) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT tại cột (16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với trường hợp gửi HSYC cho lớn hơn một nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hàng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hàng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(12)-(13)	(15)=(10)x(14)	(16)	(17)=(15)+(16)	(18)=(10)x(13)	(19)	(20)=(17)+(18)+(19)
1																			M_1
...																			M_n
n																			$(M_2)=M_1+...+M_n$
Tổng																			

Ghi chú:

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
- (8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (11) (12) (13) (14) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền. Trong đó, thành tiền (M^*) tại cột 17 không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Đối với trường hợp gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu, giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá đề so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

III. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)
1							I_1
...							...
n							I_n
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)= I_1 +...+ I_n

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

III. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
3	Dịch vụ liên quan	(I)
4	Chi phí dự phòng (*)	$(C) = a\% \times ((M1) + (M2) + (I))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$G = (M1) + (M2) + (I) + (C)$

Ghi chú:

(*): a%: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Mẫu số 05

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Tên hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Amlodipin (dưới dạng Aamlodipin besylat)	Viên	200,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
2	Amlodipin (dưới dạng Aamlodipin besylat)	Viên	200,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
3	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	Viên	180,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
4	Colchicin	Viên	20,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
5	Piracetam	Viên	250,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
6	N-acetyl-dl-leucin	Viên	200,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
7	Chlorpheniramine maleat	Viên	50,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	

8	N-Acetyl-DL-Leucin	Ống	4,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
9	Omeprazol (Dưới dạng Omeprazol natri)	Lọ	3,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
10	Metoclopramid HCl	Ống	900	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
11	Dexamethasone phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	Ống	800	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
12	Saccharomyces boulardii	Gói	50,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
13	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Gói	60,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
14	Nifedipin	viên	40,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
15	Salbutamol Sulfat	Ống	30,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
16	Glibenclamid + Metformin hydroclorid	Viên	100,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
17	Glimepirid + Metformin hydroclorid	Viên	200,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày
18	Paracetamol	ống	1,600	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày

19	Cefaclor	Gói	20,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
20	Lidocain +epinephrin (adrenalin)	Ống	4,600	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
21	Simethicon	Chai	3,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
22	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri Clorid 4500mg	Chai	6,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
23	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Túi	5,000	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	
24	Insulin human(recombinant)	Bút tiêm	600	Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc	02	trước ngày hợp đồng hết hiệu lực 1 ngày	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Chủ đầu tư điền.

Cột (8): Nhà thầu điền;

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)*Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

☐ Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

☐ Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu. Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Phần 2. YÊU VÀU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư/ Bên mời thầu: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc.
- Dự toán mua sắm: Thuốc Generic năm 2025.
- Tên gói thầu: Thuốc Generic năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp.
- Nguồn kinh phí: nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 4 năm 2025.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 9 tháng.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc – Km17, đường 8/4, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với thuốc thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật chung là các yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và Nhóm thuốc được nêu tại PHỤ LỤC III, Chương IV. BIỂU MẪU.

- Yêu cầu chung:

+ Thuốc phải có thành phần, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, số lượng ... đúng như yêu cầu tại bảng phạm vi, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc;

+ Thuốc phải có giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế cấp còn hiệu lực (bản sao).

+ Thuốc phải đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế;

+ Phiếu kiểm nghiệm hợp lệ có đầy đủ các tiêu chí trong Dược điển Việt Nam hiện hành hoặc Tiêu chuẩn cơ sở được cấp bởi cơ sở kiểm nghiệm nhà nước hoặc cơ sở đạt GLP (kèm theo giấy tờ pháp lý chứng minh cơ sở đạt GLP của đơn vị kiểm nghiệm).

+ Nhãn thuốc: Theo đúng quy chế nhãn, có tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bằng tiếng Việt;

+ Thuốc phải còn nguyên bao bì đóng gói.

- Yêu cầu cụ thể:

+ Thuốc cung cấp phải đúng tên thuốc trúng thầu, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, quy cách đóng gói như quy định trong phạm vi cung cấp;

*** Lưu ý:**

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp tài liệu tham chiếu chứng minh thuốc đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật được nêu tại PHỤ LỤC III, Chương IV. BIỂU MẪU (Giấy phép lưu hành, Giấy phép nhập khẩu, tài liệu chứng minh nhóm tiêu chí kỹ thuật của thuốc...)

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cam kết cung ứng đủ hàng theo nhu cầu dự trù của Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc ngay sau khi được lựa chọn trúng thầu.

- Nhà thầu phải thu hồi vô điều kiện những mặt hàng bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Trong quá trình cung ứng thuốc nếu Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc có yêu cầu thì nhà thầu phải cung cấp phiếu kiểm nghiệm (bản sao) đối với mỗi lô thuốc cùng với hóa đơn cho Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc (mỗi lô thuốc phải có phiếu kiểm nghiệm riêng, trường hợp trong năm cung ứng thuốc thành nhiều đợt nhưng các thuốc này cùng 1 lô sản xuất thì chỉ cần cung cấp 1 phiếu kiểm nghiệm của lô thuốc đó). Số lô sản xuất được in trên hóa đơn bán hàng hoặc phiếu báo lô kèm theo. Trong quá trình cung ứng, trường hợp Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc có yêu cầu thì nhà thầu phải cung cấp giấy phép lưu hành sản phẩm (bản sao) để kiểm tra, đối chiếu.

- Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do thuốc không đạt chất lượng gây ra (nếu có)

Mục 2. Bản vẽ: Không có bảng vẽ**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Bên mời thầu có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng đã ký kết.

Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các thuốc không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.

PHỤ LỤC III

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã phần (Lô)	Mã thuốc	Thành phần	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Qui cách	Đơn vị tính	Giá kế hoạch	Số lượng	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	GPLH/ GPNK
1	PP2300516617		Amlodipin (dưới dạng Aamlodipin besylat)	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	99	200,000	4	9 tháng	VD- 20761-14 (QĐ số 447/QĐ- QLD ngày 02/08/ 2022, gia hạn đến ngày 02/ 08/2027)
2	PP2300516616		Amlodipin (dưới dạng Aamlodipin besylat)	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	99	200,000	3	9 tháng	VD- 20761-14 (QĐ số 447/QĐ- QLD ngày 02/08/ 2022, gia hạn đến ngày 02/ 08/2027)
3	PP2300516826		Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	266	180,000	4	9 tháng	89311028 8623 (VD-27922- 17)(QĐ số 737/QĐ- QLD ngày 09/10/2023, gia hạn đến ngày 09/10/2028)
4	PP2300516837		Colchicin	1mg	Viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	265	20,000	4	9 tháng	VD- 22172-15 (QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2022, gia hạn đến ngày

5	PP2300517396							Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	426	250,000	3	9 tháng	VD- 34693-20
6	PP2300516550							Viên nén	Uống	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Viên	355	200,000	4	9 tháng	VD- 22909-15(QĐ số 447/QĐ- QLD ngày 02/ 08 /2022, gia hạn đến ngày : 02/ 08/ 2027)
7	PP2300516844							Viên nén	Uống	Chai 1000 viên	Viên	28	50,000	4	9 tháng	VD- 34186-20
8	PP2300516546							Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 10ml	Ống	24,000	4,000	4	9 tháng	VD- 27160-17 (QĐ gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023 hiệu lực đến 31/12/2024)
9	PP2300517339							Thuốc bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ	Lọ	5,800	3,000	4	9 tháng	89311037 4823 (VD- 25326-16) (QĐ gia hạn số 776/QĐ- QLD ngày 19/10/2023 hiệu lực 5 năm)
10	PP2300517206							Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Ống	990	900	4	9 tháng	VD- 21919-14 (QĐ gia hạn số 833/QĐ- QLD ngày 21/12/2022 hiệu lực 5 năm)

11	PP2300516854	Dexamethasone phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	4mg/1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	Ống	710	800	4	9 tháng	VD- 27152-17 (QĐ gia hạn số 62/QĐ- QLD ngày 08/02/2023 hiệu lực 31/12/2024)
12	PP2300517470	Saccharomyces boulardii	100mg (2,26 x 10 ⁹ CFU)	Thuốc bột	Uống	Hộp 30 gói x 1,0 g	Gói	3,906	50,000	4	9 tháng	QLSP- 947-16 (QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2022, gia hạn đến ngày: 31/12/2024)
13	PP2300517173	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	(800,4mg + 3.058,83mg + 80mg)/10ml	hỗn dịch uống	Uống	Hộp 30 gói x 10ml	Gói	3,402	60,000	4	9 tháng	VD- 36243-22
14	PP2300517307	Nifedipin	20mg	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	504	40,000	3	9 tháng	VD- 32593-19
15	PP2300629952	Salbutamol Sulfat	4mg/10ml=2mg/5 ml; 10ml = 0,4mg/ml; 10ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 30 ống x 10ml	Ống	5,187	30,000	4	9 tháng	89311527 7823(VD- 25647-16)
16	PP2300629188	Glibenclamid + Metformin hydroclorid	2.5mg + 500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi, 8 vi x 15 viên	Viên	1,700	100,000	4	9 tháng	VD- 32391-19

17	PP2300629196		Glimepirid + Metformin hydroclorid	2mg + 500mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	Viên	2,499	200,000	3	9 tháng	VD- 33885-19
18	PP2400016105		Paracetamol	1g/10ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml	ống	9,100	1,600	4	9 tháng	VD-36170 -22
19	PP2400436582		Cefaclor	125mg	Thuốc cốm	Uống	Hộp 12 gói x 1,5g	Gói	3,696	20,000	2	9 tháng	VD- 18963-13
20	PP2400155784		Lidocain +epinephrin (adrenalin)	(36mg + 18mcg)/1,8ml	Dung dịch tiêm đùng trong nha khoa	Tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống/1,8ml	Ống	15,484	4,600	1	9 tháng	VN- 16049-12
21	PP2400123890		Simethicon	40mg/ml; 15ml	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 chai 15ml	Chai	21,000	3,000	4	9 tháng	VD- 33279-19
22	PP2400123810		Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri Clorid 4500mg	0.9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml, Thùng 20 chai	Chai	5,940	6,000	4	9 tháng	VD- 35956-22
23	PP2400123808		Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	0.9%, 100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100ml; Hộp 1 chai 100ml	Túi	5,400	5,000	4	9 tháng	8931106 15324 (VD- 32457-19)

24	PP2400473268		Insulin human(recombi nant)	300IU/3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm/ truyền	Hộp 01 bút tiêm đóng sẵn ống tiêm 03ml	Bút tiêm	105,500	600	5	9 tháng	VN- 13913-11; CV gia hạn Số 62/QĐ- QLD
----	--------------	--	-----------------------------------	-----------	-------------------	-----------------	---	----------	---------	-----	---	------------	--

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. ĐKC; 2.6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; 2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.

5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSĐX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSĐX. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc phải được thực hiện theo quy định tại phụ lục III Chương IV - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.

11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng:theo quy định tại ĐKCT .
13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Phụ lục III Chương IV – Phạm vi cung cấp.
19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất thuốc đến địa điểm giao thuốc quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất thuốc đến địa điểm giao thuốc quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT .
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT .
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, hoặc trừ trường hợp do Chủ đầu tư không thanh toán theo đúng quy định dẫn tới ảnh hưởng nguồn tiền của Nhà thầu, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT . Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT . Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các

	khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc 25.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

	27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định; 27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc
ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/ Điểm giao hàng cuối cùng là: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc , Km 17 đường 8/4, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - HSYC. - HSDX của nhà thầu. - Thông báo trúng thầu. - Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng - Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Ngân hàng. - Các tài liệu khác có liên quan.
ĐKC 4	Chủ đầu tư [có thể] ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc Địa chỉ: Km 17 đường 8/4, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Điện thoại: 0252.3611002.
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc bảo chi. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 14(a) Chương VII - Biểu mẫu hợp đồng)]. - Đối với lựa chọn nhà thầu tập trung, Nhà thầu trúng thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho từng đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc cho tổng số phần mà nhà thầu ký hợp đồng theo mẫu được quy định trong HSYC. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% Giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết khi toàn bộ thuốc được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả

	bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: ____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E- HSDT</i>].
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ ____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: Theo thỏa thuận của hai bên. - Giải quyết tranh chấp: Tại tòa án dân sự cấp tỉnh tại địa phương Bên mua, chi phí do bên thua kiện chịu
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: - Hóa đơn bán hàng, phiếu kiểm nghiệm của từng lô thuốc (Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). <i>Đại diện Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.</i> Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
ĐKC 13.1	Giá hợp đồng: ____ [<i>ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận E- HSDT và trao hợp đồng</i>].
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: “ <i>được phép</i> ” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “ <i>trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i> ”].
ĐKC 15.1	Phương thức thanh toán: - Phương thức thanh toán: Sau khi mua hàng. - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, tiền mặt. - Điều kiện thanh toán: bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ hợp pháp.

	- Thời hạn thanh toán: theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ và hoá đơn theo đúng quy định của pháp luật. <i>Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam.</i>
ĐKC 19	Đóng gói thuốc: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Thuốc phải được đóng gói đúng yêu cầu (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chấn kiện); còn nguyên nhãn mác (không được cạo, sửa, tẩy, xóa) để tránh hư hỏng nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. - Với các thuốc lẻ (không đủ kiện, thùng) nhà thầu cần đóng gói theo đúng các yêu cầu về điều kiện bảo quản ghi trên nhãn, theo đúng nguyên tắc GSP khi giao nhận, vận chuyển.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: - Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng. - Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hại đến người bệnh do sử dụng thuốc của nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận giữa cơ sở y tế, nhà thầu với người bệnh.
ĐKC 21	- <i>Yêu cầu về vận chuyển thuốc</i> : Việc bảo quản và vận chuyển hàng hóa phải được thực hiện theo quy định của nhà sản xuất đối với từng mặt hàng thuốc. Địa điểm giao hàng: tại Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc - Các yêu cầu khác: Không
ĐKC 22.1	<i>Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: Trong quá trình bảo quản và sử dụng thuốc tại đơn vị nếu có vấn đề về chất lượng, Bên mua phải thông báo cho Bên bán để cùng nhau giải quyết. Việc kiểm nghiệm lại chất lượng hàng hoá được thực hiện tại Viện Kiểm nghiệm Vắc xin sinh phẩm Việt Nam</i>
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8% <i>[ghi mức bồi thường thiệt hại tối đa]</i>. Mức khấu trừ: 1%/tuần (hoặc ngày, tháng...) <i>[ghi cụ thể quy định về mức khấu trừ là bao nhiêu % nội dung công việc chậm thực hiện tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu]</i>. Mức khấu trừ tối đa: 08% <i>[ghi mức khấu trừ tối đa]</i>.
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: - Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bảo hành thuốc và bồi thường mọi thiệt hại nếu có vấn đề xảy ra cho bệnh nhân do thuốc của nhà thầu cung cấp. - Nhà thầu phải thực hiện thu hồi thuốc khi có quyết định của cấp có

	thẩm quyền
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm trên 12 tháng. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: cần nêu thời gian Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh; thời hạn Nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư; chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc và Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục...
ĐKC 26.1(d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu nhưng thuốc thay thế chưa được chào trong HSDX, chủ đầu tư được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không có
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: Không có

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 12 (a). Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng (áp dụng đối với hình thức tự đấu thầu tại cơ sở y tế)

Mẫu số 13(a). Hợp đồng (áp dụng đối với các cơ sở y tế).

Mẫu số 14 (a). Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (trường hợp bảo lãnh với cơ sở y tế).

Mẫu số 12 (a)

THƯ CHẤP THUẬN HSĐX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là "Nhà*

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên*

Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư"] về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu [ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là "Bên mời thầu"] xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn] với giá hợp đồng là: [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm

[ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Chương VII – Biểu mẫu hợp đồng của HSYC với số tiền và thời gian hiệu lực *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của HSYC. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ (1) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng

hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG⁽²⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015);- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

⁽²⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. DKCT của hợp đồng;
5. DKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.2 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: theo điều kiện tại ĐKCT.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, HSDX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSYC và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKL H hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1												
2												
3												
...												
Tổng cộng giá hợp đồng												
(Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)												

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Số:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên cơ sở y tế ký hợp đồng]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 **ĐKCT** của HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 **ĐKCT**.

